

Số: 580/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bảng Tiêu chí thi đua, thang điểm đánh giá xếp hạng Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2017

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng Tiêu chí thi đua, thang điểm đánh giá xếp hạng và Phụ lục cách chấm điểm thi đua, xếp hạng Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2017.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

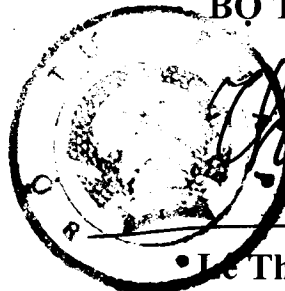
Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng cùng cấp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc thực hiện Quyết định này, ký xác nhận, bảo đảm tính khách quan, chính xác trong việc tự chấm điểm của Sở Tư pháp.

Điều 3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Trưởng, Phó trưởng các Khu vực thi đua, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *128*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Ban TĐKT Trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp chỉ đạo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Công Thông tin điện tử BTP (để đăng tải);
- Lưu: VT, TĐKT.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Hùng
• Lê Thành Long



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2017

**BẢNG TIÊU CHÍ THI ĐUA, THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ XẾP HẠNG SỞ TƯ PHÁP
CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2017**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 580 /QĐ-BTP ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

STT	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
1	2	3	4	5
A	TRỌNG TÂM CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2017	155		
I	CÔNG TÁC XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH ĐỀ NGHỊ VÀ DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT; CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ CÔNG TÁC PHÁP CHẾ	20		
1	Công tác xây dựng pháp luật, thẩm định đề nghị, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	10		
1.1	Thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	2.5		
	<i>Thẩm định 100% đề nghị</i>	2.5		
	<i>Thẩm định từ 75% đến dưới 100% đề nghị</i>	2		
	<i>Thẩm định từ 50% đến dưới 75% đề nghị</i>	1		
	<i>Thẩm định dưới 50% đề nghị</i>	0.5		
1.2	Thực hiện thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm tiến độ, chất lượng	2.5		
	<i>Thẩm định đạt 100% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	2.5		
	<i>Thẩm định đạt từ 75% đến dưới 100% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	2		
	<i>Thẩm định đạt từ 50% đến dưới 75% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	1.5		
	<i>Thẩm định đạt dưới 50% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	0.5		

Handwritten signature

1.3	Chủ trì soạn thảo trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật đúng tiến độ, chất lượng	2.5		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đạt 100% tiến độ, chất lượng</i>	2.5		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đạt từ 75% đến dưới 100% tiến độ, chất lượng</i>	2		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đạt từ 50% đến dưới 75% tiến độ, chất lượng</i>	1.5		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đạt dưới 50% tiến độ, chất lượng</i>	0.5		
1.4	Lập danh mục ban hành văn bản quy định chi tiết	1		
1.5	Bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật	1.5		
2	Công tác kiểm soát thủ tục hành chính	6		
2.1	Chỉ đạo, điều hành về kiểm soát thủ tục hành chính	0.5		
*	Ban hành kế hoạch năm về thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC trước ngày 31 tháng 01 năm kế hoạch (nội dung kế hoạch theo Phụ lục IV, Đề cương hướng dẫn báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC, ban hành kèm theo Thông tư số 05/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)	0.5		
	<i>Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 28 tháng 02 của năm kế hoạch</i>	0.25		
2.2	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính	0.5		
	<i>Thực hiện đánh giá tác động, thẩm định 100% TTHC theo quy định đối với văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo</i>	0.5		
	<i>Từ 70% đến dưới 100% TTHC đã được đánh giá tác động, thẩm định</i>	0.25		
	<i>Dưới 70% TTHC được đánh giá tác động, thẩm định</i>	0		
2.3	Kiểm soát thực hiện thủ tục hành chính	2.5		
*	Phối hợp với các cơ quan có liên quan công bố 100% TTHC và các quy định có liên quan trong lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền theo quy định	0.5		
	<i>Từ 70% đến dưới 100% TTHC</i>	0.25		
	<i>Dưới 70% TTHC và các quy định có liên quan được công bố</i>	0		
*	Niêm yết công khai đầy đủ, kịp thời, chính xác 100% TTHC trong lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền tại địa điểm tiếp nhận, giải quyết TTHC	0.5		

	<i>Từ 70% đến dưới 100% TTHC được niêm yết công khai</i>	0.25		
	<i>Dưới 70% TTHC được niêm yết công khai</i>	0		
*	Cập nhật 100% TTHC trên CSDLQG về TTHC theo quy định	1		
	<i>Từ 70% đến dưới 100% TTHC được cập nhật theo quy định</i>	0.5		
	<i>Dưới 70% TTHC được cập nhật theo quy định</i>	0		
*	Thực hiện đầy đủ theo quy định việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	0.25		
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định</i>	0		
*	Xử lý 100% phản ánh, kiến nghị hoặc kiến nghị xử lý đối với phản ánh của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	0.25		
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định</i>	0		
2.4	Rà soát, đánh giá cải cách thủ tục hành chính	2		
*	Ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC thuộc lĩnh vực Tư pháp kịp thời (trước ngày 31/01 hàng năm)	0.5		
	<i>Ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá không kịp thời (thời điểm ban hành từ ngày 31 tháng 01 đến trước ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch)</i>	0.25		
	<i>Không ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá hoặc ban hành sau ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch</i>	0		
*	Thực hiện 100% kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	1		
	<i>Thực hiện từ 70% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0.5		
	<i>Thực hiện dưới 70% kế hoạch</i>	0		
*	Thực hiện sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0.5		
2.5	Kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính	0.5		
	<i>Xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính theo đúng Thông tư số 25/2014/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC và các văn bản pháp luật có liên quan</i>	0.5		
	<i>Không xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, không báo cáo kết quả kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính</i>	0		

3	Công tác pháp chế	4		
3.1	Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chương trình, kế hoạch công tác pháp chế năm 2017 ở địa phương (theo thống kê năm 2017 của Bộ Tư pháp) và tổ chức thực hiện sau khi chương trình, kế hoạch được ban hành	1		
3.2	Phối hợp tham mưu, đề xuất với UBND cấp tỉnh trong việc xây dựng, củng cố, duy trì, kiện toàn tổ chức pháp chế và có giải pháp nâng cao công tác này tại địa phương (có công văn đề xuất hoặc kiến nghị với UBND tỉnh có các giải pháp nhằm kiện toàn tổ chức pháp chế và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác pháp chế ở địa phương - thể hiện trong báo cáo công tác tư pháp năm 2017)	2		
*	Củng cố, duy trì, kiện toàn tổ chức pháp chế	1.5		
*	Có giải pháp nâng cao công tác pháp chế tại địa phương	0.5		
3.3	Hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra công tác pháp chế của tổ chức pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và doanh nghiệp nhà nước ở địa phương	1		
II	CÔNG TÁC KIỂM TRA, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	15		
1	Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương	1		
	<i>Ban hành trước ngày 01/01/2017</i>	<i>1</i>		
	<i>Ban hành từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/01/2017</i>	<i>0.75</i>		
	<i>Ban hành sau ngày 31/01/2017 đến ngày 31/3/2017</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Ban hành sau ngày 31/3/2017</i>	<i>0</i>		
2	Giúp UBND cấp tỉnh thực hiện công tác tự kiểm tra 100% văn bản quy phạm pháp luật do UBND cấp tỉnh ban hành	2		
	<i>Tự kiểm tra đạt 100% văn bản</i>	<i>2</i>		
	<i>Tự kiểm tra đạt từ 90% đến dưới 100% văn bản</i>	<i>1.75</i>		
	<i>Tự kiểm tra đạt từ 70% đến dưới 90% văn bản</i>	<i>1.5</i>		
	<i>Tự kiểm tra đạt từ 50% đến dưới 70% văn bản</i>	<i>1</i>		
	<i>Tự kiểm tra đạt dưới 50% văn bản</i>	<i>0</i>		
3	Tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền có hiệu quả (kiểm tra 90% trở lên số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền)	2		
	<i>Kiểm tra theo thẩm quyền đạt từ 90% trở lên số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền</i>	<i>2</i>		

	<i>Kiểm tra theo thẩm quyền đạt từ 70% đến dưới 90% số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền</i>	1.5		
	<i>Kiểm tra theo thẩm quyền đạt từ 50% đến dưới 70% số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền</i>	1		
	<i>Kiểm tra theo thẩm quyền đạt từ 30% đến dưới 50% số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền</i>	0.5		
	<i>Kiểm tra theo thẩm quyền đạt dưới 30% số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền</i>	0		
4	Tham mưu kịp thời xử lý văn bản QPPL theo đúng quy định của pháp luật sau khi nhận được kết luận kiểm tra văn bản của cơ quan có thẩm quyền	2		
	<i>Tham mưu kịp thời xử lý văn bản QPPL theo đúng quy định của pháp luật sau khi nhận được kết luận kiểm tra văn bản của cơ quan có thẩm quyền</i>	2		
	<i>Tham mưu xử lý văn bản QPPL không đảm bảo thời hạn theo quy định pháp luật</i>	1.5		
	<i>Không thực hiện</i>	0		
5	Tổ chức thực hiện rà soát thường xuyên kịp thời, đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp	2		
	<i>Rà soát đầy đủ, kịp thời ngay sau khi có căn cứ rà soát</i>	2		
	<i>Rà soát đầy đủ nhưng còn chưa kịp thời</i>	1.5		
	<i>Rà soát không đầy đủ, không kịp thời</i>	0.5		
	<i>Không thực hiện rà soát</i>	0		
6	Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kịp thời công bố Danh mục văn bản hết hiệu lực định kỳ hàng năm theo quy định	1.5		
	<i>Kịp thời công bố (chậm nhất ngày 30/01/2017)</i>	1.5		
	<i>Công bố sau ngày 30/01/2017 đến ngày 31/3/2017</i>	1		
	<i>Công bố sau ngày 31/3/2017</i>	0.5		
	<i>Không công bố</i>	0		
7	Thực hiện đúng, đầy đủ yêu cầu của Bộ Tư pháp trong kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn	1.5		
	<i>Thực hiện đúng, đầy đủ yêu cầu</i>	1.5		
	<i>Thực hiện chưa đầy đủ theo yêu cầu</i>	1		
	<i>Không thực hiện</i>	0		
8	Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản	1.5		

	quy phạm pháp luật (tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ này tại cấp huyện, cấp xã)			
	<i>Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL</i>	1.5		
	<i>Thực hiện chưa tốt nhiệm vụ</i>	1		
	<i>Không thực hiện nhiệm vụ</i>	0		
9	Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định	1.5		
	<i>Xây dựng và cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin vào hệ cơ sở dữ liệu về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL</i>	1.5		
	<i>Xây dựng và cập nhật thông tin vào hệ cơ sở dữ liệu về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL nhưng còn chưa kịp thời</i>	1		
	<i>Không xây dựng</i>	0		
III	CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, HÒA GIẢI CƠ SỞ, HƯƠNG ƯỚC, QUY ƯỚC VÀ CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI DÂN Ở CƠ SỞ	15		
1	Công tác lập kế hoạch, chỉ đạo, hướng dẫn	2		
1.1	Kế hoạch công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước năm 2017 (ban hành chậm nhất tháng 02/2017)	0.5		
1.2	Kế hoạch công tác của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh năm 2017 (ban hành chậm nhất tháng 03/2017)	0.5		
1.3	Kế hoạch, Chương trình, văn bản hướng dẫn chỉ đạo hướng dẫn thực hiện các Chương trình, Đề án về PBGDPL năm 2017, Chương trình PBGDPL giai đoạn 2017-2021 và các Đề án thuộc Chương trình do Sở Tư pháp chủ trì	0.5		
1.4	Tham mưu ban hành Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn quán triệt, phổ biến luật, pháp lệnh mới	0.25		
1.5	Có văn bản chỉ đạo hướng dẫn nghiệp vụ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở; hương ước, quy ước, chuẩn tiếp cận pháp luật (ngay khi có phát sinh); xây dựng và triển khai thực hiện các Chương trình phối hợp PBGDPL, HGCS năm 2017 tại địa phương	0.25		

2	Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	7.5		
2.1	Kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn và có tổ chức các hoạt động thiết thực triển khai hưởng ứng Ngày Pháp luật năm 2017 phù hợp với địa bàn, gắn với xây dựng và nhân rộng mô hình cụ thể của địa phương	1		
2.2	Tổ chức triển khai tuyên truyền, phổ biến các Luật, pháp lệnh, các văn bản, chính sách mới được ban hành năm 2017 bằng hình thức phù hợp cho cán bộ và Nhân dân (trong đó có lĩnh vực công tác tư pháp)	0.5		
2.3	Kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn triển khai tuyên truyền, phổ biến pháp luật theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị, gắn với các vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội; định hướng chủ trương, chính sách mới hoặc sửa đổi, bổ sung	0.5		
2.4	Kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn, có triển khai tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quyền con người, quyền công dân theo các Đề án về PBGDPL; các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên	0.5		
2.5	Tổ chức rà soát, củng cố, kiện toàn gắn với quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả đội ngũ Báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, có tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, cung cấp tài liệu PBGDPL cho đội ngũ này	0.5		
2.6	Triển khai và huy động được các nguồn lực xã hội tham gia PBGDPL phù hợp với điều kiện thực tiễn địa bàn	0.25		
2.7	Triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong PBGDPL thông qua các hoạt động cụ thể: trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, phần mềm quản lý công việc, mạng xã hội, facebook, youtube...	0.5		
2.8	Hướng dẫn và tổ chức các hoạt động PBGDPL cho các đối tượng đặc thù phù hợp với điều kiện thực tiễn địa bàn	0.5		
2.9	Phối hợp triển khai thực hiện tốt công tác PBGDPL trong nhà trường (tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ PBGDPL cho đội ngũ giáo viên dạy môn giáo dục công dân; tổ chức hoạt động sinh hoạt ngoại khóa; tham gia các cuộc thi tìm hiểu pháp luật; khai thác, sử dụng tủ sách pháp luật trong nhà trường)	0.5		
2.10	Xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả tủ sách pháp luật, trọng tâm là chỉ đạo, hướng dẫn, đề ra và tổ chức thực hiện các giải pháp củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tủ sách pháp luật theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp và yêu cầu thực tiễn của địa phương	0.25		
2.11	Củng cố, kiện toàn, triển khai thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp PBGDPL và Tổ Thư ký, các Ban Chỉ đạo và đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động	0.5		

2.12	Triển khai thực hiện tốt các Chương trình phối hợp về PBGDPL được ký kết tại địa phương (với các tổ chức đoàn thể xã hội; cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình...)	0.5		
2.13	Triển khai xây dựng, nhân rộng các mô hình PBGDPL có hiệu quả, thiết thực phù hợp với thực tiễn địa phương góp phần nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL	0.5		
2.14	Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất cho công tác PBGDPL theo quy định (kinh phí cấp để thực hiện các Chương trình, Đề án về PBGDPL; cho hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL; triển khai văn bản mới; bồi dưỡng, tập huấn, nghiệp vụ cho Báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; biên soạn tài liệu tuyên truyền, phổ biến; mua sách mới cho tủ sách pháp luật...)	1		
3	Công tác hòa giải ở cơ sở	3		
3.1	Triển khai sơ kết 03 năm thực hiện Luật hòa giải ở cơ sở và đề ra các giải pháp củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở tại địa phương (Báo cáo sơ kết; các giải pháp cụ thể được đề xuất về củng cố, kiện toàn; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực)	0.5		
3.2	Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải cho hòa giải viên theo Chương trình khung và Bộ tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở; tăng cường công tác phối hợp trong hòa giải ở cơ sở (với trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật, hành nghề luật sư...); kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai hoạt động	1		
3.3	Tỷ lệ số vụ việc hòa giải thành:	1		
	<i>Đạt từ 80% trở lên</i>	<i>1</i>		
	<i>Đạt từ 70% - dưới 80%</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Đạt dưới 70%</i>	<i>0.25</i>		
3.4	Bảo đảm kinh phí hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định (Kinh phí quản lý nhà nước; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, cung cấp tài liệu; kinh phí hỗ trợ cho Tổ hòa giải và hòa giải viên...)	0.5		
4	Công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	1.5		
4.1	Ban hành văn bản (của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tư pháp) để chỉ đạo, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.	0.25		
4.2.	Bổ sung được nhiệm vụ và hoạt động về xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật vào Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (MTQGNTM) của cấp tỉnh (hàng năm, theo giai đoạn); cơ quan Tư pháp được bổ sung vào thành viên Ban chỉ đạo Chương trình MTQGNTM.	0.25		

4.3	Thông tin, quán triệt, tập huấn nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bằng hình thức phù hợp	0.25		
4.4	Tham mưu, đề xuất để UBND cấp tỉnh ban hành các giải pháp nhằm thúc đẩy, thực hiện có hiệu quả các tiêu chí tiếp cận pháp luật tại xã, phường, thị trấn.	0.5		
4.5	Đề xuất, đã được bố trí nguồn lực, kinh phí triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	0.25		
5	Công tác xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước	1		
5.1.	Chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi việc triển khai xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn hình thức phù hợp	0.25		
5.2.	Chỉ đạo, hướng dẫn rà soát, kiểm tra, sửa đổi, bổ sung hoặc có biện pháp phù hợp để khắc phục hương ước, quy ước vi phạm pháp luật, trái với đạo đức, truyền thống và thuần phong mỹ tục, bảo đảm phù hợp với pháp luật (có kết quả cụ thể báo cáo riêng hoặc tổng hợp chung trong báo cáo 6 tháng, hàng năm)	0.5		
5.3	Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước tại địa phương	0.25		
IV	CÔNG TÁC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ	15		
1	Có văn bản góp ý các dự thảo văn bản hướng dẫn Luật TGPL sửa đổi đúng hạn và bảo đảm chất lượng	3		
2	Thực hiện một số nhiệm vụ của Đề án đổi mới công tác TGPL	5		
2.1	Kế hoạch công tác năm 2017 phù hợp với Kế hoạch triển khai Đề án đổi mới công tác TGPL ban hành kèm theo Quyết định số 1543/QĐ-BTP ngày 24/8/2015 của Bộ Tư pháp	1		
2.2	Trợ giúp viên pháp lý hoàn thành chỉ tiêu vụ việc tham gia tố tụng năm 2017:	4		
	<i>80% đến 100% số Trợ giúp viên pháp lý đạt chỉ tiêu tham gia tố tụng trong đó có 50% tổng số Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm đạt chỉ tiêu từ khá trở lên</i>	4		
	<i>80% đến 100% số Trợ giúp viên pháp lý đạt chỉ tiêu tham gia tố tụng</i>	3		
	<i>60% đến dưới 80% số Trợ giúp viên pháp lý đạt chỉ tiêu tham gia tố tụng</i>	2		
	<i>50% đến dưới 60% số Trợ giúp viên pháp lý đạt chỉ tiêu tham gia tố tụng</i>	1		
3	Đánh giá chất lượng vụ việc TGPL theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc TGPL	3		

3.1	Cập nhật đầy đủ và đúng quy định các vụ việc tham gia tố tụng lên hệ thống Quản lý vụ việc TGPL theo hướng dẫn tại Công văn số 71/CTGPL-QLCL ngày 23/02/2016 của Cục TGPL	1		
3.2	Không có khiếu nại về chất lượng vụ việc TGPL từ người được TGPL hoặc có khiếu nại nhưng khiếu nại không đúng	2		
4	Thực hiện Trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng	3		
4.1	Có ban hành Kế hoạch phối hợp Trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở địa phương	2		
4.2	Số vụ việc Trợ giúp pháp lý do cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát; Tòa án) chuyển đến Trung tâm TGPL tăng so với năm 2016	1		
5	Thực hiện báo cáo theo đúng quy định của pháp luật TGPL và theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực TGPL ở Trung ương	1		
V	CÔNG TÁC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC	15		
1	Lĩnh vực hộ tịch	8		
1.1	Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024	2		
*	Tham mưu cho UBND tỉnh có kế hoạch triển khai Chương trình hành động quốc gia (có thể lồng ghép trong Kế hoạch công tác chung)	0.75		
*	Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác đăng ký, thống kê hộ tịch	0.75		
	Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch các cấp	0.25		
	Bổ trí cho công chức làm công tác hộ tịch được tham gia các lớp đào tạo/được bồi dưỡng nghiệp vụ trong năm 2017	0.5		
*	Có kế hoạch và triển khai thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật hộ tịch, nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa của hoạt động đăng ký, thống kê hộ tịch trong năm 2017	0.5		
1.2	Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch tại địa phương	5		
*	Chủ động hướng dẫn nghiệp vụ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc từ cơ sở trong quá trình đăng ký hộ tịch tại địa phương	1		
*	Không có công văn xin ý kiến Bộ Tư pháp đối với những vấn đề mà Luật hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có quy định cụ thể	1		

*	Không có sai phạm, vi phạm pháp luật trong quá trình đăng ký hộ tịch tại các cơ quan tư pháp địa phương	1		
	<i>Có sai sót trong quá trình đăng ký, quản lý hộ tịch (có phản ánh từ người dân, báo chí có cơ sở)</i>	0.5		
	<i>Có vi phạm pháp luật trong đăng ký hộ tịch (có phản ánh từ người dân, báo chí có cơ sở, kết luận kiểm tra, thanh tra có sai phạm)</i>	0.5		
*	Có kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong đăng ký, quản lý hộ tịch của cơ quan tư pháp địa phương	0.75		
	<i>Có ban hành Kế hoạch nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không hiệu quả</i>	0.5		
*	Không có kiến nghị, phản ánh về thái độ tiếp công dân không đúng mực, biểu hiện sách nhiễu, phiền hà, không giải thích, hướng dẫn cụ thể cho người dân	0.75		
	<i>Có phản ánh, kiến nghị (có cơ sở) về thái độ tiếp công dân, hướng dẫn công dân không đúng</i>	0.5		
*	Có sáng kiến, giải pháp tích cực trong việc đăng ký, quản lý hộ tịch	0.5		
1.3	Xử lý thông tin báo chí, phối hợp thực hiện công tác báo cáo kịp thời, đúng thời hạn theo yêu cầu	1		
	<i>Chủ động xử lý thông tin báo chí trước khi Bộ Tư pháp có văn bản yêu cầu</i>	1		
	<i>Xử lý thông tin báo chí, phối hợp thực hiện công tác báo cáo quá thời hạn theo yêu cầu</i>	0.75		
2	Lĩnh vực quốc tịch	2		
2.1	Tiếp nhận và tham mưu giải quyết đúng trình tự, thủ tục xin nhập, xin thôi, xin trở lại quốc tịch Việt Nam (bảo đảm tiếp nhận đầy đủ hồ sơ, thời hạn giải quyết).	1		
	<i>Giải quyết không đúng trình tự, thủ tục, quá thời hạn giải quyết; Hồ sơ gửi đến Bộ Tư pháp không đầy đủ theo quy định, Bộ phải có văn bản yêu cầu bổ sung:</i>			
	<i>Từ 02-03 hồ sơ</i>	0.75		
	<i>Từ 04-05 hồ sơ</i>	0.5		
	<i>Từ 06 hồ sơ trở lên</i>	0		
2.2	Chủ động tham mưu, đề xuất với Bộ Tư pháp xử lý các vướng mắc phát sinh trong lĩnh vực quốc tịch	0.5		
2.3	Không để xảy ra tình trạng khiếu nại (có cơ sở) của người dân liên quan đến vấn đề quốc tịch trong phạm vi quản lý	0.5		

	<i>Để xảy ra 01 vụ việc</i>	0.25		
	<i>Để xảy ra từ 02 vụ việc trở lên</i>	0		
3	Lĩnh vực chứng thực	5		
3.1	Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chứng thực tại địa phương	2		
*	Chủ động hướng dẫn nghiệp vụ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc từ cơ sở, không để tình trạng đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ vượt cấp	0.5		
*	Không có Công văn xin ý kiến Bộ Tư pháp đối với những việc pháp luật đã quy định cụ thể	0.5		
*	Có Kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về chứng thực của UBND cấp xã và phòng Tư pháp	1		
	<i>Có Kế hoạch nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không hiệu quả</i>	0.5		
3.2	Không để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật trong thực hiện chứng thực	2.5		
*	Không có cán bộ, công chức vi phạm pháp luật trong thực hiện chứng thực.	1.5		
*	Không có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo (có cơ sở) về việc thực hiện chứng thực sai quy định.	0.5		
*	Không có kiến nghị, phản ánh về thái độ tiếp công dân không đúng mực, biểu hiện sách nhiễu, phiền hà	0.5		
3.3	Xử lý thông tin báo chí kịp thời, đúng quy định	0.5		
	<i>Không chủ động xử lý thông tin báo chí trước khi Bộ Tư pháp có văn bản yêu cầu</i>	0.25		
VI	CÔNG TÁC BỔ TRỢ TƯ PHÁP	20		
1	Lĩnh vực luật sư	6		
1.1	Thực hiện đầy đủ quy định về đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, luật sư hành nghề với tư cách cá nhân tại địa phương và có văn bản thông báo Bộ Tư pháp về việc đăng ký hoạt động	0.5		
1.2	Thực hiện đầy đủ quy trình thẩm tra, xác minh hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1		
1.3	Có Kế hoạch và triển khai công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động luật sư để bảo đảm hoạt động của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn tỉnh, thành phố theo đúng quy định của pháp luật; có văn bản báo cáo kết quả cụ thể hoặc Kết luận kiểm tra, thanh tra gửi Bộ Tư pháp	1		

1.4	Giải quyết 100% các khiếu nại, tố cáo (nếu có) hoặc không phát sinh khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư tại địa phương	0.5		
1.5	Thực hiện giải pháp khác để quản lý hoạt động luật sư tại địa phương và có giải pháp hỗ trợ phát triển nghề luật sư tại địa phương	1		
1.6	Quan tâm, hỗ trợ Đoàn luật sư trong việc phát triển công tác đảng (xây dựng tổ chức đảng của Đoàn luật sư, phát triển đảng viên là luật sư	1		
1.7	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh, thực hiện có hiệu quả Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ về tư vấn pháp luật:	1		
*	Xây dựng chính sách, triển khai biện pháp hỗ trợ phát triển tổ chức, hoạt động tư vấn pháp luật tại địa phương và thực hiện các nhiệm vụ khác theo thẩm quyền.	0.5		
*	Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động tư vấn pháp luật để bảo đảm hoạt động tư vấn pháp luật theo đúng quy định của pháp luật; có báo cáo Bộ Tư pháp kết quả cụ thể.	0.5		
2	Lĩnh vực công chứng	5		
2.1	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh thực hiện tốt vai trò quản lý nhà nước tại địa phương:	2		
*	Thực hiện đầy đủ quy định về đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng, đăng ký hành nghề, cấp Thẻ cho các công chứng viên	0.5		
*	Thực hiện việc tiếp nhận, thẩm tra và gửi hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm công chứng viên về Bộ Tư pháp theo quy định	0.5		
*	Triển khai thực hiện 100% hoạt động thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động công chứng theo kế hoạch đã đề ra	0.5		
*	Giải quyết 100% khiếu nại, tố cáo (nếu có) và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về tổ chức, hoạt động công chứng công tác hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động công chứng	0.5		
2.2	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh triển khai có hiệu quả Luật công chứng và các văn bản hướng dẫn thi hành, Thông tư số 11/2012/TT-BTP ngày 30/10/2012 ban hành Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng	3		
*	Có giải pháp thúc đẩy việc chuyển đổi VPCC do một công chứng viên thành lập thành VPCC hoạt động theo loại hình công ty hợp danh	0.5		
*	Thành lập Hội công chứng viên, phối hợp với Hội công chứng viên trong công tác quản lý nhà nước về công chứng, phát huy tốt vai trò tự quản và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội công chứng viên	2		

*	Xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng, ban hành quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng tại địa phương	0.5		
3	Lĩnh vực giám định tư pháp	4		
3.1	Tham mưu cho UBND tỉnh trong việc củng cố tổ chức giám định tư pháp ở địa phương; bảo đảm kinh phí, phương tiện hoạt động, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho tổ chức giám định tư pháp công lập ở địa phương. Phát triển đội ngũ giám định viên, người giám định tư pháp theo vụ việc đủ về số lượng, nâng cao chất lượng đảm bảo đáp ứng yêu cầu giám định của hoạt động tố tụng.	1		
3.2	Lập, đăng tải danh sách giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc và tổ chức giám định tư theo vụ việc trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng thời gửi Bộ Tư pháp đăng tải trong danh sách chung hàng năm theo quy định.	1		
3.3	Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức pháp luật cho giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc ở địa phương.	0.5		
3.4	Thực hiện kiểm tra/thanh tra về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp; giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có) về giám định tư pháp theo thẩm quyền.	0.5		
3.5	Thực hiện việc đánh giá tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở địa phương một cách chất lượng và báo cáo về Bộ Tư pháp.	1		
4	Lĩnh vực bán đấu giá tài sản	4		
4.1	Ban hành Kế hoạch triển khai Luật đấu giá tài sản năm 2016 tại địa phương.	1		
4.2	Phối hợp với các Sở, ngành liên quan rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành liên quan đến hoạt động bán đấu giá tài sản, kịp thời tham mưu đề xuất UBND cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật đấu giá tài sản.	0.5		
4.3	Rà soát, công bố danh sách đội ngũ đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản định kỳ hàng quý trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để các tổ chức, cá nhân biết và liên hệ.	0.5		
4.4	Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền đối với hành vi vi phạm pháp luật về bán đấu giá tài sản. Thực hiện hướng dẫn nghiệp vụ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các tổ chức bán đấu giá tài sản trong phạm vi địa phương.	1		

4.5	Triển khai Đề án “Phát triển và tăng cường năng lực đội ngũ đầu giá viên giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020” (ban hành kèm theo Quyết định 1076/QĐ-BTP ngày 10/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).	1		
5.	Lĩnh vực quản lý, thanh lý tài sản	1		
5.1	Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	0.5		
5.2	Công bố danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản và gửi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản cho Bộ Tư pháp công bố	0.5		
VII	CÔNG TÁC QUẢN LÝ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT	10		
1	Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính	5		
1.1	Công tác tổ chức triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và tổng kết 05 năm thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012	2		
*	Xây dựng Kế hoạch chung về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và được UBND tỉnh phê duyệt	1		
	<i>Không xây dựng Kế hoạch chung</i>	0		
*	Công tác tổ chức tổng kết 05 năm thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính	1		
	- Kiến nghị những khó khăn, vướng mắc, bất cập xuất phát từ các quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và đề xuất sửa đổi	0.5		
	- Tiến hành tổng kết 05 năm thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	0.5		
1.2	Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính	3		
*	Tổ chức kiểm tra về công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính	2		
	<i>Không tổ chức kiểm tra</i>	0		
*	Tổ chức phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính.	1		
	- Tổ chức phổ biến pháp luật	0.5		
	- Hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính	0.5		

2	Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật	5		
2.1	Tham mưu cho UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật kịp thời (trước ngày 30/01 của năm Kế hoạch)	1		
	<i>Ban hành Kế hoạch không kịp thời (ban hành muộn, sau ngày 30/1 đến trước ngày 31/3 của năm Kế hoạch)</i>	0.5		
	<i>Ban hành Kế hoạch không kịp thời (ban hành muộn, sau ngày 31/3 của năm Kế hoạch)</i>	0.25		
	<i>Không ban hành Kế hoạch</i>	0		
2.2	Tổ chức điều tra, khảo sát về theo dõi tình hình thi hành pháp luật	1		
2.3	Tổ chức kiểm tra về tình hình theo dõi thi hành pháp luật	1		
2.4	Thu thập và xử lý thông tin về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Ban hành văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền	1		
	<i>Không ban hành văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền</i>	0		
2.5	Tổ chức phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về theo dõi thi hành pháp luật	1		
	Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật	0.5		
	Hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác theo dõi thi hành pháp luật	0.5		
	<i>Không thực hiện các tiêu chí trên</i>	0		
VIII	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	20		
1	Ban hành Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Tư pháp năm 2017	2		
	<i>Ban hành chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm 2017</i>	2		
	<i>Ban hành sau ngày 31 tháng 01 năm 2017 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	1		
	<i>Ban hành sau ngày 31 tháng 3 năm 2017 hoặc không ban hành</i>	0		
2	Triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ	4		
2.1	Tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử so với tổng số văn bản trao đổi trong công việc	1		
	<i>Trên 80% số văn bản</i>	1		
	<i>Từ 60% đến 80% số văn bản</i>	0.75		
	<i>Từ 40% đến dưới 60% số văn bản</i>	0.5		

	<i>Từ 20% đến dưới 40% số văn bản</i>	0.25		
	<i>Dưới 20% số văn bản</i>	0		
2.2	Triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản trong hoạt động của Sở (có địa chỉ đường dẫn cụ thể)	1		
	<i>Đã triển khai và thường xuyên sử dụng</i>	1		
	<i>Đã triển khai nhưng không thường xuyên sử dụng</i>	0.5		
	<i>Chưa triển khai</i>	0		
2.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ để trao đổi công việc	1		
	<i>Trên 80% tổng số cán bộ, công chức</i>	1		
	<i>Từ 60% đến 80% tổng số cán bộ, công chức</i>	0.75		
	<i>Từ 40% đến dưới 60% tổng số cán bộ, công chức</i>	0.5		
	<i>Từ 20% đến dưới 40% tổng số cán bộ, công chức</i>	0.25		
	<i>Dưới 20% tổng số cán bộ, công chức</i>	0		
2.4	Ứng dụng chữ ký số	1		
	<i>Tỷ lệ văn bản được ký chữ ký số trên 80%</i>	1		
	<i>Tỷ lệ văn bản được ký chữ ký số từ 60% đến 80%</i>	0.75		
	<i>Tỷ lệ văn bản được ký chữ ký số từ 40% đến dưới 60%</i>	0.5		
	<i>Tỷ lệ văn bản được ký chữ ký số từ 20% đến dưới 40%</i>	0.25		
	<i>Tỷ lệ văn bản được ký chữ ký số dưới 20%</i>	0		
3	Hoạt động của Trang thông tin điện tử của Sở (có địa chỉ đường dẫn cụ thể)	2		
	<i>Trang thông tin điện tử được cập nhật thường xuyên, kịp thời, đầy đủ</i>	2		
	<i>Trang thông tin điện tử không được cập nhật thường xuyên, kịp thời, đầy đủ</i>	1		
	<i>Chưa có Trang thông tin điện tử</i>	0		
4	Cập nhật, rà soát văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Nghị định 52/2015/NĐ-CP (Đảm bảo Cơ sở dữ liệu đã được tích hợp trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và Trang Thông tin điện tử của Sở)	4		
4.1	Cập nhật văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Nghị định 52/2015/NĐ-CP	3		
	<i>Cập nhật thường xuyên, chính xác, kịp thời, đảm bảo quy định tại Nghị định 52/2015/NĐ-CP, có áp dụng chữ ký số để xác thực văn bản</i>	3		

	<i>Cập nhật thường xuyên, chính xác, kịp thời, đảm bảo quy định tại Nghị định 52/2015/NĐ-CP</i>	2		
	<i>Cập nhật đảm bảo đúng thời hạn cập nhật theo quy định tại Điều 17, Nghị định 52/2015/NĐ-CP nhưng còn sai sót về kỹ thuật trình bày, lỗi chính tả, thuộc tính, trường thông tin của văn bản</i>	1		
	<i>Cập nhật nhưng không đúng thời hạn cập nhật, không thường xuyên, liên tục (theo quy định tại Điều 17, Nghị định 52/2015/NĐ-CP) hoặc còn nhiều sai sót về kỹ thuật trình bày, lỗi chính tả, thuộc tính, trường thông tin của văn bản</i>	0.5		
	<i>Không cập nhật</i>	0		
4.2	Rà soát, đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của văn bản được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Nghị định 52/2015/NĐ-CP	1		
5	Triển khai sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực Lý lịch tư pháp	4		
5.1	Việc sử dụng phần mềm Lý lịch tư pháp dùng chung trong tác nghiệp hàng ngày	1		
*	Sử dụng phần mềm để lập hồ sơ lý lịch tư pháp	0.5		
*	Sử dụng phần mềm để cấp Phiếu lý lịch tư pháp	0.25		
*	Sử dụng chức năng trao đổi thông tin hồ sơ lý lịch tư pháp với Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia	0.25		
	Chưa sử dụng các tính năng trên	0		
5.2	Đã triển khai dịch vụ đăng ký cấp phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến tích hợp nộp hồ sơ trực tuyến và dịch vụ đăng ký nhận hồ sơ, trả kết quả cấp phiếu Lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính theo Đề án thí điểm cấp Phiếu và Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử	2		
*	Đã triển khai dịch vụ đăng ký cấp phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến	1		
*	Đã tích hợp nộp hồ sơ trực tuyến	0.5		
*	Đã triển khai dịch vụ đăng ký nhận hồ sơ, trả kết quả cấp phiếu Lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính	0.5		
	Chưa triển khai các tính năng trên	0		
5.3	Tỷ lệ xử lý hồ sơ đăng ký nộp trực tuyến (Tiếp nhận/Từ chối tiếp nhận/Yêu cầu bổ sung hồ sơ)	1		
	<i>Trên 80% số hồ sơ đăng ký nộp trực tuyến</i>	1		
	<i>Từ 60% đến 80% số hồ sơ đăng ký nộp trực tuyến</i>	0.75		

	<i>Từ 40% đến dưới 60% số hồ sơ đăng ký nộp trực tuyến</i>	0.5		
	<i>Từ 20% đến dưới 40% số hồ sơ đăng ký nộp trực tuyến</i>	0.25		
	<i>Dưới 20% số hồ sơ đăng ký nộp trực tuyến</i>	0		
6	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực hộ tịch	2		
	<i>Đã ban hành kế hoạch triển khai Đề án Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc (ban hành kèm theo Quyết định số 2173/QĐ-BTP ngày 12/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)</i>	2		
	<i>Chưa ban hành</i>	0		
7	Triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 khác do Sở cung cấp theo Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử và các văn bản khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Liệt kê tên cụ thể (Nếu có).	2		
	<i>Triển khai đầy đủ</i>	2		
	<i>Triển khai chưa đầy đủ</i>	1		
	<i>Chưa triển khai</i>	0		
IX	NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KHÁC	25		
1	Công tác bồi thường nhà nước	5		
1.1	Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện công tác bồi thường hoặc lồng ghép vào kế hoạch công tác tư pháp trên địa bàn tỉnh bảo đảm đầy đủ, đúng nội dung, thời gian quy định	1.5		
	<i>Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện công tác bồi thường sau ngày 31/3/2017</i>	0.5		
	<i>Không ban hành kế hoạch triển khai thực hiện công tác bồi thường</i>	0		
1.2	Triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường	3.5		
*	Tổ chức, phối hợp với các Sở, ngành tổ chức các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cho các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh theo đúng Kế hoạch	1		
	<i>Không tổ chức, phối hợp với các Sở, ngành tổ chức các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước</i>	0		
*	Thực hiện theo dõi, đôn đốc việc giải quyết bồi thường, chi trả bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật	1.5		
	<i>Theo dõi không đầy đủ số vụ việc liên quan đến yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường xảy ra trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý</i>	1		

	<i>Không thực hiện theo dõi, đơn đốc việc giải quyết bồi thường, chi trả bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật</i>	0		
*	Thực hiện kiểm tra (định kỳ, đột xuất) công tác bồi thường nhà nước thuộc phạm vi quản lý	1		
	<i>Không thực hiện kiểm tra</i>	0		
2	Công tác Lý lịch tư pháp	10		
2.1	Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về Lý lịch tư pháp tại địa phương	1.5		
*	Bảo đảm các văn bản và ý kiến chỉ đạo của Bộ Tư pháp trong lĩnh vực Lý lịch tư pháp được triển khai đúng thời hạn	1		
*	Thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Lý lịch tư pháp tại địa phương	0.5		
2.2	Thực hiện nhiệm vụ cấp Phiếu lý lịch tư pháp	4		
*	Bảo đảm thực hiện đúng trình tự, thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp	1		
*	Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong cấp Phiếu Lý lịch tư pháp:	1		
	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp vào Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp phiên bản dùng chung cho các Sở Tư pháp;	0.25		
	- Thực hiện giải pháp tra cứu, xác minh thông tin Lý lịch tư pháp về án tích qua đường điện tử để cấp Phiếu Lý lịch tư pháp	0.25		
	- Thực hiện phương thức cấp Phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến theo Đề án thí điểm cấp Phiếu và Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử	0.5		
*	Bảo đảm thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp	2		
	<i>Bảo đảm từ 95% Phiếu lý lịch tư pháp trở lên được cấp đúng thời hạn</i>	2		
	<i>Bảo đảm từ 90% đến dưới 95% Phiếu lý lịch tư pháp được cấp đúng thời hạn</i>	1.5		
	<i>Bảo đảm từ 85% đến dưới 90% Phiếu lý lịch tư pháp được cấp đúng thời hạn</i>	1		
	<i>Bảo đảm từ 80% đến dưới 85% Phiếu lý lịch tư pháp được cấp đúng thời hạn</i>	0.5		
	<i>Bảo đảm từ 60% đến dưới 80% Phiếu lý lịch tư pháp được cấp đúng thời hạn</i>	0.25		
	<i>Dưới 60 % Phiếu lý lịch tư pháp được cấp đúng thời hạn</i>	0		
2.3	Thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại địa phương theo quy định của pháp luật	4.5		

*	Thực hiện tốt việc tiếp nhận, kiểm tra, phân loại đối với thông tin do các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp	1		
	<i>Thực hiện việc tiếp nhận, kiểm tra, phân loại từ 90% trở lên thông tin do các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp.</i>	1		
	<i>Thực hiện việc tiếp nhận, kiểm tra, phân loại từ 70% đến dưới 90% đối với thông tin do các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp.</i>	0.75		
	<i>Thực hiện việc tiếp nhận, kiểm tra, phân loại từ 50% đến dưới 70% đối với thông tin do các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp.</i>	0.5		
	<i>Thực hiện việc tiếp nhận, kiểm tra, phân loại dưới 50% đối với thông tin do các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp.</i>	0.25		
*	Thực hiện cung cấp đầy đủ, kịp thời bản lý lịch tư pháp và thông tin lý lịch tư pháp bổ sung lập được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia	1.5		
	<i>Thực hiện cung cấp trên 90% bản lý lịch tư pháp và thông tin lý lịch tư pháp bổ sung lập được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	1.5		
	<i>Thực hiện cung cấp từ trên 70% đến 90% bản lý lịch tư pháp và thông tin lý lịch tư pháp bổ sung lập được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	1.25		
	<i>Thực hiện cung cấp từ 50% đến 70% bản lý lịch tư pháp và thông tin lý lịch tư pháp bổ sung lập được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	1		
	<i>Thực hiện cung cấp dưới 50% bản lý lịch tư pháp và thông tin lý lịch tư pháp bổ sung lập được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0.5		
*	Thực hiện tốt việc phối hợp rà soát thông tin lý lịch tư pháp	1		
*	Đảm bảo chất lượng lập lý lịch tư pháp đúng quy định	1		
	<i>Trên 80% các Bản Lý lịch tư pháp được lập và Thông tin lý lịch tư pháp bổ sung được cập nhật cung cấp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đúng quy định.</i>	1		
	<i>Từ 70% đến 80% các Bản Lý lịch tư pháp được lập và Thông tin lý lịch tư pháp bổ sung được cập nhật cung cấp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đúng quy định.</i>	0.75		
	<i>Từ 50% đến dưới 70% các Bản Lý lịch tư pháp được lập và Thông tin lý lịch tư pháp bổ sung được cập nhật cung cấp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đúng quy định.</i>	0.5		

	<i>Dưới 50% các Bản Lý lịch tư pháp được lập và Thông tin lý lịch tư pháp bổ sung được cập nhật cung cấp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đúng quy định.</i>	0.25		
3	Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo	10		
3.1	Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm đúng thời hạn	2		
	<i>Ban hành chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm từ ngày 16/12 đến ngày 31/12</i>	2		
	<i>Ban hành chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm sau ngày 31/12</i>	1.5		
3.2	Triển khai thực hiện cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch	3.5		
*	Triển khai thực hiện thanh tra hành chính	1		
*	Triển khai thực hiện thanh tra chuyên ngành	1		
*	Triển khai kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng	0.5		
*	Thực hiện theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra	1		
3.3	Công tác giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo	3		
*	Tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp dân	1		
*	Xử lý đơn thư kịp thời, chính xác, đúng quy định	1		
*	Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo phát sinh, các vụ việc, tố cáo phức tạp, các vụ việc tồn đọng được cơ quan thẩm quyền giao	1		
3.4	Công tác phòng, chống tham nhũng	1.5		
*	Chấp hành nghiêm quy định về minh bạch tài sản, thu nhập theo quy định	1		
*	Công khai, minh bạch trong hoạt động của Sở Tư pháp	0.5		
B	THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC	45		
I	THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	20		
1	Chế độ báo cáo công tác định kỳ (Báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết)	10		
1.1	Báo cáo đúng thời gian quy định (Theo yêu cầu tại Công văn hướng dẫn của Bộ Tư pháp về việc sơ kết, tổng kết công tác tư pháp)	1		
	<i>Gửi chậm từ 01 - 02 ngày</i>	0.75		
	<i>Gửi chậm từ 03 - 05 ngày</i>	0.5		
	<i>Gửi chậm từ 06 - 10 ngày</i>	0.25		
	<i>Gửi chậm trên 10 ngày</i>	0		

1.2	Bảo cáo dùng tham quyền theo Công văn hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1		
	Báo cáo của UBND hoặc của Sở Tư pháp (có kèm văn bản văn bản ủy quyền của Chủ tịch UBND)	1		
	Báo cáo của Sở Tư pháp (không được ủy quyền của Chủ tịch UBND)	0		
1.3	Báo cáo dùng kết cấu, chất lượng đảm bảo đầy đủ các nội dung của các mặt công tác tư pháp theo Công văn hướng dẫn của Bộ Tư pháp bao gồm: kết quả; nhân xét, đánh giá (ưu điểm, tồn tại, hạn chế); phương hướng; giải pháp; nhiệm vụ trọng tâm của từng mặt công tác	7		7 - (1 x số nội dung tiêu hoặc lĩnh vực báo cáo tiêu)
1.4	Gửi kèm văn bản điện tử	1		
	Không gửi kèm văn bản điện tử	0		
2	Chế độ báo cáo thông kê theo quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BTP	10		
2.1	Thời gian chấp hành chế độ báo cáo thông kê	1		
	Gửi báo cáo đúng hạn	1		
	Chậm từ 1-4 ngày	0.75		
	Chậm từ 5-8 ngày	0.5		
	Chậm từ 9-14 ngày	0.25		
	Chậm từ 15 ngày trở lên	0		
2.2	Đảm bảo thể thức	1		
	Báo cáo lập theo đúng mẫu, có đầy đủ chữ ký và đóng dấu của người có thẩm quyền	1		
	Sai mẫu, thiếu chữ ký và dấu của người có thẩm quyền từ 1-4 biểu	0.75		
	Sai mẫu, thiếu chữ ký và dấu của người có thẩm quyền từ 5-8 biểu	0.5		
	Sai mẫu, thiếu chữ ký và dấu của người có thẩm quyền từ 9-14 biểu	0.25		
	Sai mẫu, thiếu chữ ký và dấu của người có thẩm quyền từ 15 biểu trở lên	0		
2.3	Đủ số lượng biểu và thông tin trong biểu	1.5		
	Thiếu từ 1-4 biểu	1		
	Thiếu từ 5-8 biểu	0.75		
	Thiếu từ 9-14 biểu	0.5		
	Thiếu từ 15-19 biểu	0.25		
	Thiếu từ 20 biểu trở lên	0		

2.4	Chất lượng	5		
a	Tính đúng	2		
*	Cộng tổng đúng	0.5		
	<i>Cộng tổng sai từ 1-2 biểu</i>	<i>0.25</i>		
	<i>Cộng tổng sai từ 3 biểu trở lên</i>	<i>0</i>		
*	Khớp nhóm phân tổ	1		
	<i>Không khớp các nhóm phân tổ trong cùng chỉ tiêu từ 1-2 biểu</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Không khớp các nhóm phân tổ trong cùng chỉ tiêu từ 3 biểu trở lên</i>	<i>0</i>		
*	Đúng đơn vị tính	0.5		
	<i>Sai đơn vị tính từ 1-2 biểu</i>	<i>0.25</i>		
	<i>Sai đơn vị tính từ 3 biểu trở lên</i>	<i>0</i>		
b	Số liệu hợp lý (Mỗi biểu có số liệu bất hợp lý trừ 0,5 điểm)	3		
2.5	Ứng dụng Công nghệ thông tin	1.5		
	Gửi đầy đủ báo cáo qua thư điện tử đến địa chỉ thongketuphap@moj.gov.vn hoặc phongthongke223@gmail.com theo một trong các hình thức: bản chụp báo cáo giấy dưới dạng pdf có đủ họ tên người ký, chữ ký, dấu; hoặc sử dụng phần mềm báo cáo thống kê của Bộ Tư pháp; hoặc sử dụng chữ ký số.	1.5		
II	CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG NGÀNH VÀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ	15		
1.	Về việc kiện toàn tổ chức, biên chế của Sở Tư pháp	5		
1.1	Kiện toàn tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp bảo đảm phù hợp với quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV	2		
	<i>Kiện toàn hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền kiện toàn tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn thuộc Sở phù hợp quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, các văn bản QPPL có liên quan và của Bộ Tư pháp.</i>	<i>2</i>		
	<i>Kiện toàn hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền kiện toàn tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn thuộc Sở nhưng chưa đủ hoặc chưa phù hợp với quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, các văn bản pháp luật có liên quan và của Bộ Tư pháp.</i>	<i>1</i>		
1.2	Kiện toàn hoặc trình cấp có thẩm quyền kiện toàn cán bộ, công chức, viên chức của Sở Tư pháp, bảo đảm triển khai thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, quy định của pháp luật và của Bộ Tư pháp.	3		

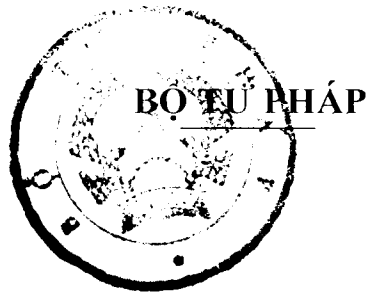
mt

	<i>Kiện toàn hoặc trình cấp có thẩm quyền kiện toàn công chức, viên chức, lãnh đạo Sở Tư pháp, các Phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp phù hợp với quy định của TTLT số 23/2014/TTLT-BTP-BNV và các văn bản pháp luật có liên quan (bảo đảm mỗi Phòng chuyên môn thuộc Sở có Trưởng phòng, không quá 02 Phó trưởng phòng và các công chức khác), phù hợp với vị trí việc làm được phê duyệt.</i>	3		
	<i>Kiện toàn hoặc trình cấp có thẩm quyền kiện toàn công chức, viên chức, Lãnh đạo Sở Tư pháp, các Phòng chuyên môn thuộc Sở chưa đủ hoặc chưa phù hợp với quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV hoặc tuyển dụng, bố trí công chức, viên chức của Sở chưa phù hợp với vị trí việc làm, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp theo quy định.</i>	1,5		
2.	Về kiện toàn tổ chức, biên chế các Phòng Tư pháp trên địa bàn	4		
2.1	Về kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tư pháp theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV và quy định của pháp luật.	1		
	<i>Hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị cấp huyện kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV và 100% số Phòng Tư pháp trên địa bàn đã được ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV và của Bộ Tư pháp.</i>	1		
	<i>Đối với các tỉnh chưa có văn bản hướng dẫn các Phòng Tư pháp kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV hoặc chưa bảo đảm 100% số Phòng Tư pháp trên địa bàn đã được ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV và của Bộ Tư pháp.</i>	0,5		
2.2	Hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị cấp huyện kiện toàn hoặc trình cơ quan có thẩm quyền kiện toàn đội ngũ công chức, lãnh đạo của Phòng Tư pháp theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV, quy định của pháp luật và của Bộ Tư pháp.	3		
	<i>Đối với các tỉnh đã bảo đảm bố trí đủ biên chế các Phòng Tư pháp phù hợp với quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV (bảo đảm mỗi Phòng Tư pháp có Trưởng phòng, không quá 03 Phó Trưởng phòng và các công chức khác), phù hợp vị trí việc làm, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp theo quy định</i>	3		
	<i>Đối với các tỉnh chưa bảo đảm bố trí đủ biên chế các Phòng Tư pháp theo quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV hoặc tuyển dụng, bố trí chưa phù hợp với vị trí việc làm, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp theo quy định</i>	1,5		

3	Về kiện toàn đội ngũ công chức Tư pháp – Hộ tịch trên địa bàn	3		
3.1	Hướng dẫn, bảo đảm không bố trí công chức Tư pháp – Hộ tịch kiêm nhiệm các chức danh khác và bảo đảm việc bố trí, tuyển dụng mới người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật hộ tịch làm công tác hộ tịch	1,5		
	<i>Đối với các tỉnh bảo đảm không bố trí công chức Tư pháp – Hộ tịch kiêm nhiệm chức danh khác và bố trí, tuyển dụng mới người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật hộ tịch làm công tác hộ tịch</i>	1,5		
	<i>Đối với các tỉnh còn tình trạng bố trí công chức Tư pháp – Hộ tịch kiêm nhiệm các chức danh khác hoặc bố trí, tuyển dụng mới công chức Tư pháp – Hộ tịch không phù hợp với quy định của Luật hộ tịch</i>	1		
3.2	Hướng dẫn, kiện toàn đội ngũ cán bộ Tư pháp – Hộ tịch trên địa bàn	1,5		
	<i>Đối với các tỉnh đã bố trí được 50% số xã có 02 cán bộ Tư pháp – Hộ tịch và số cán bộ có trình độ Trung cấp Luật đạt từ 90% trở lên</i>	1,5		
	<i>Đối với các tỉnh chỉ bố trí được từ 30-40% số xã có 02 cán bộ Tư pháp – Hộ tịch và có từ 90% số cán bộ có trình độ Trung cấp Luật trở lên</i>	1		
	<i>Đối với các tỉnh chỉ bố trí được từ 30-40% số xã có 02 cán bộ Tư pháp – Hộ tịch và có dưới 90% số cán bộ có trình độ Trung cấp Luật trở lên</i>	0,5		
	<i>Đối với các tỉnh bố trí được dưới 20% số xã có 02 cán bộ Tư pháp – Hộ tịch</i>	0		
4.	Tập thể đoàn kết, tổ chức đảng và các đoàn thể đạt trong sạch, vững mạnh, xây dựng và thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo và chế độ chính sách đối với công chức, viên chức	3		
4.1	Tập thể đoàn kết, tổ chức đảng và các đoàn thể đạt trong sạch, vững mạnh (không để xảy ra tình trạng có đơn thư, khiếu nại, tố cáo hoặc có thông tin báo chí có cơ sở về sai phạm của các tổ chức, cá nhân thuộc Sở Tư pháp)	1,5		
4.2	Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ các cơ quan tư pháp trên địa bàn theo quy định	1,5		
III	CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG	10		
1	Công tác thi đua	4		
1.1	Tổ chức hưởng ứng và phát động, đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua năm 2017	1		
1.2	Tổ chức các hoạt động kiểm tra phong trào thi đua	1		
1.3	Tổ chức các hoạt động sơ kết, tổng kết phong trào thi đua	1		

Handwritten mark

1.4	Tham gia đầy đủ các hoạt động triển khai phong trào thi đua, các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng do Bộ Tư pháp tổ chức	1		
2	Công tác khen thưởng	4		
2.1	Thực hiện bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đảm bảo khách quan, chính xác đúng quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng	1		
	<i>Bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không đúng quy định (vượt tỷ lệ theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành, hoặc bình xét không đúng đối tượng, tiêu chuẩn.....)</i>	0.5		
2.2	Đảm bảo tỷ lệ đề nghị khen thưởng theo hướng dẫn của Bộ, chấp hành tốt các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng	3		
*	Gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng theo đúng thời hạn hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1		
*	Hồ sơ đề nghị khen thưởng đúng trình tự, thủ tục theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1		
*	Đảm bảo tỷ lệ đề nghị khen thưởng theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1		
3	Thực hiện tự chấm điểm đánh giá xếp hạng Sở Tư pháp năm 2017	2		
3.1	Tổ chức tự chấm điểm	1		
	<i>Tổ chức tự chấm điểm đầy đủ, tổng hợp kết quả tự chấm điểm chính xác các lĩnh vực, nhiệm vụ công tác</i>	1		
	<i>Tổ chức tự chấm điểm chưa đầy đủ các lĩnh vực, nhiệm vụ công tác, tổng hợp kết quả tự chấm điểm không chính xác</i>	0.5		
3.2	Báo cáo kết quả tự chấm điểm về Bộ Tư pháp	1		
	<i>Báo cáo kết quả tự chấm điểm đúng thời hạn, có đầy đủ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	1		
	<i>Báo cáo kết quả tự chấm điểm có đầy đủ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhưng muộn hơn so với thời hạn quy định</i>	0.5		
	<i>Báo cáo kết quả tự chấm điểm đúng thời hạn quy định và không có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	0		
	Tổng điểm	200		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2017

PHỤ LỤC

Cách chấm điểm thi đua, xếp hạng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 580 /QĐ-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

A. CHẤM ĐIỂM THI ĐUA

I. TỰ CHẤM ĐIỂM CỦA SỞ TƯ PHÁP VÀ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ CHẤM CHO SỞ TƯ PHÁP

1. Cách tính điểm tự chấm của Sở Tư pháp và của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp

Căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chí đã được quy định, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức đánh giá, tự chấm điểm thi đua; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ được giao giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về các lĩnh vực đối với Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành của các tiêu chí, tổ chức đánh giá, chấm điểm cho Sở Tư pháp theo nguyên tắc như sau:

- Điểm chuẩn là mức điểm tối đa được chấm đối với tiêu chí và đạt được khi đơn vị hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng theo tiêu chí đặt ra;

- Thang điểm được xác định tương ứng với từng mức độ hiệu quả thực hiện nhiệm vụ mà đơn vị đạt được đối với từng tiêu chí. Đối với các tiêu chí không xác định thang điểm cụ thể, nếu trong quá trình chấm điểm, Sở Tư pháp và các đơn vị thuộc Bộ thực hiện trừ điểm cần nêu rõ lý do và tài liệu kiểm chứng cụ thể (nếu có);

- Không chấm điểm đối với các tiêu chí chưa thực hiện được (0 điểm).

2. Mốc thời gian được tính để chấm điểm kết quả công tác

Mốc thời gian được tính để chấm điểm kết quả công tác từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 31/10/2017 và ước tính đến 31/12/2017.

3. Thời gian gửi kết quả tự chấm điểm của Sở Tư pháp

Kết quả điểm tự chấm của Sở Tư pháp được gửi về Bộ Tư pháp (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) đồng thời gửi về Khu vực thi đua trước **ngày 15 tháng 11 năm 2017**.

4. Thời gian gửi kết quả chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ cho Sở Tư pháp

Kết quả chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ cho Sở Tư pháp được gửi về Bộ Tư pháp (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước **ngày 05 tháng 12 năm 2017**.

Lưu ý: Khi gửi kết quả chấm điểm, ngoài việc gửi theo đường công văn, Sở Tư pháp, các đơn vị thuộc Bộ được giao giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về các lĩnh vực đối với Sở Tư pháp đồng thời gửi file điện tử của kết quả chấm điểm (định dạng .xls hoặc .doc) đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng, Bộ Tư pháp: thidukhenthuong@moj.gov.vn.

II. CÁCH TÍNH TỔNG SỐ ĐIỂM THI ĐUA ĐỂ XÉT, ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SỞ TƯ PHÁP CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG NGÀNH TƯ PHÁP

Trên cơ sở kết quả tổng điểm tự chấm của Sở Tư pháp và tổng điểm của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp, cách tính tổng số điểm thi đua để xét, đánh giá xếp hạng Sở Tư pháp như sau:

$$\text{Tổng số điểm thi đua để xét, đánh giá xếp hạng} = \frac{\text{Tổng điểm tự chấm của Sở Tư pháp} + (\text{Tổng điểm của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp} \times 2)}{3}$$

Ví dụ: - Sở Tư pháp tỉnh A tự chấm tổng điểm đạt **183** điểm.

- Các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp tỉnh A đạt tổng điểm **186** điểm.

Kết quả:

$$\text{Tổng số điểm thi đua để xét, đánh giá xếp hạng đối với Sở Tư pháp tỉnh A} = \frac{183 + (186 \times 2)}{3} = 185 \text{ điểm}$$

B. XẾP HẠNG

Trên cơ sở kết quả các mặt công tác đã đạt được trong năm 2017, kết quả chấm điểm thi đua đối với các Sở Tư pháp, nhận xét đánh giá mức độ hoàn thành các tiêu chí và chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ được giao quản lý các lĩnh vực, nhiệm vụ của Sở Tư pháp và ý kiến chỉ đạo của tập thể Lãnh đạo Bộ về cơ cấu, số lượng các hạng thi đua trong năm 2017, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ngành xem xét, báo cáo xin ý kiến tập thể Lãnh đạo Bộ và trình Bộ trưởng xem xét, quyết định xếp hạng các Sở Tư pháp năm 2017 thành 4 hạng: **Hạng A** (Xuất sắc), **Hạng B** (Khá), **Hạng C** (Trung Bình) và **Hạng D** (Yếu). Cụ thể như sau:

I. HẠNG A (XUẤT SẮC)

Lựa chọn, xem xét các Sở Tư pháp đạt từ **190** điểm trở lên.

II. HẠNG B (KHÁ)

Lựa chọn, xem xét các Sở Tư pháp đạt từ **180** đến dưới **190** điểm.

III. HẠNG C (TRUNG BÌNH)

Xem xét các Sở Tư pháp đạt từ **170** đến dưới **180** điểm.

IV. HẠNG D (YẾU)

Các Sở Tư pháp đạt dưới **170** điểm.

****Lưu ý: Xếp hạng C trở xuống đối với các trường hợp sau đây***

- Đơn vị để xảy ra tình trạng tham ô, tham nhũng, lãng phí, đã có kết luận thanh tra, kiểm tra.
- Đơn vị có cán bộ, công chức, đảng viên vi phạm bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc có cá nhân vi phạm pháp luật bị truy tố.

Trên cơ sở kết quả đánh giá xếp hạng đối với các Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp xem xét quyết định xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng./. *ƯTT*